

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN**  
**购销合同**

Số .....

编号: .....

Ngày: 25 tháng 2 năm 20XX

日期: 20XX年2月25日

**BÊN A: Công ty TNHH ABC**

甲方: ABC 有限公司

Địa chỉ: ....., Việt Nam

地址: 越南.....

Mã số thuế: .....

税号: .....

Điện thoại: .....

电话: .....

Fax: .....

传真: .....

Đại diện là Ông/Bà ..... - Tổng giám đốc

代表人: .....先生/女士 - 总经理

Sau đây gọi là Bên mua

以下简称为“买方”

**BÊN B: CÔNG TY TNHH XYZ**

乙方: XYZ 有限公司

Địa chỉ: .....

地址: .....

Điện thoại: .....

电话: .....

Fax: .....

传真: .....

Đại diện là Ông/Bà ..... - Tổng giám đốc

代表人: .....先生/女士 - 总经理

Sau đây gọi là Bên bán

以下简称为“卖方”

Cả hai bên đã đồng ý ký hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện sau:

经协商, 双方就以下条款及条件达成一致同意签署本合同:

**ĐIỀU 1: HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ**

**第一条: 商品和价格**

No STT	Mô tả 描述	Số lượng (đơn vị: .....) 数量 (套)	Đơn giá (USD) 单价 (美元)	Amount (USD) 总价 (美元)
-----------	-------------	---	--------------------------------	-------------------------------

1	.....	.....	.....
	<b>THANH TIEN CIF- HCMC, VIETNAM</b>		
	<b>总计 CIF - 越南胡志明市</b>		

(Bằng chữ: .....)  
(大写: .....)

**ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG**

**第二条: 质量**

Nước xuất xứ: Trung Quốc

原产国: 中国

Chất lượng: Tất cả hàng hóa đều là hàng mới 100% và tuân thủ tiêu chuẩn của nhà sản xuất

质量: 所有商品均为 100% 新货, 并且符合制造商的标准

**ĐIỀU 3: GIAO HÀNG**

**第三条: 交货**

1. Thời gian giao hàng: 30 ngày kể từ ngày Bên bán nhận được tiền đặt cọc

1. 交货时间: 卖方收到订金后 30 天内

2. Nơi khởi hành: Bất kỳ cảng nào tại Trung Quốc

2. 出发港口: 中国的任何港口

3. Nơi đến: Bất kỳ cảng nào tại Thành phố Hồ Chí Minh

3. 目的港口: 胡志明市的任何港口

4. Điều khoản giao hàng

4. 交货条款

a) Phương thức vận chuyển: Đường biển

a) 运输方式: 海运

b) Chuyển tải: Được phép.

b) 转载: 准许

c) Giao hàng một phần: Không được phép.

c) 分批交货: 不准许

**ĐIỀU 4: THANH TOÁN**

**第四条: 付款**

a. Thanh toán lần 1: 30% tức là USD ..... sẽ được thanh toán bằng T/T sau khi ký hợp đồng

a. 第 1 次付款: 签订合同后以电汇的方式立即支付合同价值的 30%, 即.....美元

b. Thanh toán lần 2 70% tức là USD ..... sẽ được thanh toán bằng T/T trước khi giao hàng

b. 第 2 次付款: 交货前, 以电汇的方式支付合同价值的 70%, 即.....美元

Tên công ty: XYZ Co., Ltd

公司名称: XYZ 有限公司

Địa chỉ: ....., Trung Quốc

地址: 中国.....

Ngân hàng trung gian: ..... Ngân hàng - Chi nhánh .....

中介银行: ..... 银行 - ..... 分行

Mã SWIFT: .....  
银行国际代码: .....  
Ngân hàng thụ hưởng: .....Ngân hàng - Chi nhánh .....  
收益银行: ..... 银行 - .....分行  
Địa chỉ: ....., Trung Quốc  
地址: 中国.....  
Mã SWIFT: .....  
银行国际代码: .....  
Số tài khoản: .....  
账号: .....

• Tất cả các khoản phí ngân hàng bên ngoài Việt Nam sẽ được tính vào tài khoản của người thụ hưởng.

• 越南境外的所有银行费用将由受益人的账户承担。

c. Tài liệu yêu cầu:

c. 付款文件含:

1. 03 Hóa đơn thương mại gốc đã ký

1. 经签字的贸易发票, 03 份正本

2. 03 Phiếu đóng gói gốc đã ký”

2. 经签字的装箱单, 03 份正本

3. Bộ Vận đơn sạch đầy đủ ghi chú “Cước phí thu hộ”

3. 所有清洁提单上皆注明“运费到付”

4. Mẫu E

4. 原产地证 - FORM E

5. 3 bản gốc Giấy chứng nhận số lượng và chất lượng do Nhà sản xuất cấp

5. 制造商发行的数量及质量证明, 03 份正本

## **ĐIỀU 5: BẢO HÀNH**

### **第五条: 保固**

Bảo hành nêu trên chỉ áp dụng đối với các khiếm khuyết về vật liệu và tay nghề xuất hiện trong sản phẩm của XYZ vào hoặc trước ngày sớm hơn trong số ngày 12 tháng sau ngày vận hành hoặc 18 tháng sau ngày sản xuất được đóng dấu trên nhãn sản phẩm.

保固仅适用于 XYZ 的产品在运行日期后 12 个月内或在产品铭牌上标记的生产日期后 18 个月内出现的物料和工艺缺陷, 以先到期限者为准。

## **ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI VÀ TRỌNG TÀI**

### **第 6 条: 投诉及仲裁**

Các khiếu nại của Người mua, nếu có, sẽ được thông báo cho Người bán qua fax trong vòng 15 ngày kể từ ngày hàng đến. Hợp đồng này phải được hỗ trợ bằng văn bản bởi một báo cáo khảo sát do một tổ chức có thẩm quyền độc lập ban hành và gửi cho Bên bán trong vòng 120 ngày kể từ ngày hàng đến

买方的投诉(若有)将在货物到达后 15 天内通过传真通知卖方。它必须由独立的有权限机构发布的书面考察报告的支持, 并在货物到达后 120 天内发送给卖方。

Mọi tranh chấp, bất đồng hoặc khác biệt có thể phát sinh giữa Bên mua và Bên bán trước tiên phải được giải quyết một cách thân thiện. Nếu cả hai bên không đạt được thỏa thuận, chúng sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Việt Nam theo Quy tắc Trọng tài Luật Thương mại Quốc tế.

买卖双方之间可能发生的所有争议、争执或异议将以善意的精神协商解决。如果双方无法达成协议，将此案件提交在越南的越南国际仲裁中心依照国际贸易法仲裁规则处分。

#### **ĐIỀU 7: CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC**

##### **第七条: 其他条件**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu lực sẽ kéo dài cho đến khi hai bên đồng ý hủy hợp đồng.

本合同自签订之日起生效。有效期将延长到双方同意取消合同为止。

Mọi sửa đổi đối với các điều kiện của Hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu chúng được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên.

本合同条款的任何修订仅在双方书面签署后生效。

Hợp đồng này được lập thành hai bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Trung, mỗi bên giữ một bản.

本合同一式 02 份（越南文和中文），各执 01 份。

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

买方

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

卖方

